

SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO NGHỆ AN  
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH

LÝ LỊCH DI TÍCH  
**ĐỀN THƯỢNG**

Xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An



NĂM 2019

## 1. TÊN GỌI DI TÍCH

### 1.1. Tên gọi được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích:

#### **Đền Thượng**

Di tích được xây dựng ở cồn Thượng - cồn cao nhất của làng Văn Trai nên nhân dân gọi là đền Thượng.

### 1.2. Tên gọi khác:

**Đền Văn Trai:** đền được xây dựng tại làng Văn Trai nên tên đền được nhân dân gọi theo tên địa danh.

## 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH

### 2.1. Địa điểm di tích:

Đền Thượng thuộc xóm Văn Trai, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Đền được xây dựng vào thời Nguyễn, trải qua quá trình tồn tại, di tích vẫn nằm ở vị trí ban đầu nhưng địa danh hành chính nơi di tích tọa lạc có sự thay đổi theo từng thời kỳ, cụ thể như sau:

- Thời Nguyễn (1802-1945):

+ Năm 1802, niên hiệu Gia Long năm thứ nhất, di tích thuộc làng Cá Trai, xã Quan Xá, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, trấn Nghệ An<sup>1</sup>.

+ Năm 1831, niên hiệu Minh Mệnh thứ 12, trấn Nghệ An đổi thành tỉnh Nghệ An, di tích thuộc làng Cá Trai, xã Quan Xá, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

+ Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), huyện Đông Thành được chia thành 2 huyện Đông Thành và Yên Thành theo chiều Nam Bắc, làng Cá Trai đổi tên thành làng Thái Trai. Di tích thuộc làng Thái Trai, xã Quan Xá, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An<sup>2</sup>.

+ Năm Thành Thái thứ 10 (1898), huyện Đông Thành và huyện Yên Thành được chia lại theo chiều Đông Tây, làng Thái Trai đổi tên thành làng Văn Trai. Di tích thuộc

<sup>1</sup> Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành, (1990), Lịch sử huyện Yên Thành, NXB Nghệ Tĩnh, trang 10

<sup>2</sup> Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, t. 104.

- đ/c Trâm

+ NT họ Nguyễn

Nguyễn Lương: Phó Trưởng, Kế Lê Duy Nhật,  
Chánh Trưởng Tài, Phó Trưởng Nữ

Về quan đ' lịch sử: xã L có công với dân, với nước

làng Văn Trai, xã Quan Xá, tổng Quan Trung, huyện Yên Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Sau Cách Mạng tháng Tám năm 1945: theo chủ trương của nhà nước xóa bỏ cấp tổng và cấp phủ, huyện Yên Thành chia thành 24 xã, di tích thuộc làng Văn Trai, xã Quan Thái, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An<sup>3</sup>.

- Năm 1948, thực hiện chủ trương tăng cường cấp xã, các xã nhỏ nhập lại thành những xã lớn, 3 xã: Quan Thái, Quan Sơn và Văn Hóa sát nhập thành xã Tiên Long. Di tích thuộc làng Văn Trai, xã Tiên Long, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1953, xã Tiên Long tách thành các xã Vĩnh Thành, Tiên Thành và Long Thành. Di tích thuộc làng Văn Trai, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1976, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nhập thành tỉnh Nghệ Tĩnh. Di tích thuộc làng Văn Trai, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ Tĩnh.

- Năm 1991, tỉnh Nghệ Tĩnh tách thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Di tích thuộc làng Văn Trai, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1993, đơn vị xóm, làng của xã Long Thành được tổ chức lại<sup>4</sup>, lúc này di tích thuộc xóm Văn Trai, xã Long Thành, huyện Yên Thành và ổn định từ đó đến nay.

## **2.2. Đường đi đến di tích:**

Đền Thượng cách trung tâm thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An khoảng 57 km về phía Tây Bắc và cách thị trấn huyện Yên Thành 6km về phía Nam. Đến tham quan di tích du khách đi theo chỉ dẫn sau:

Xuất phát từ thành phố Vinh – Km 0 theo quốc lộ 1A (tuyến Vinh - Hà Nội) đi khoảng 38km, đến ngã tư thị trấn Diễn Châu rẽ trái theo quốc lộ 7A, đi tiếp khoảng 14km đến cầu Khe Cát (xã Bảo Thành), rẽ phải theo Quốc lộ 48E đi tiếp khoảng 3km là đến di tích.

## **3. PHÂN LOẠI DI TÍCH**

Căn cứ kết quả khảo sát, nghiên cứu về di tích để phân loại di tích theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi

<sup>3</sup> BCH Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Yên Thành, (2010), Lịch sử đảng bộ huyện Yên Thành (1930 - 2005), Nxb chính trị quốc gia, t. 189

<sup>4</sup> Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Long Thành, (2013), Lịch sử xã Long Thành, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, t. 11

hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Thông tư 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;

Căn cứ các tài liệu ghi chép về lịch sử, nhân vật, sự kiện liên quan thì di tích Đền Thượng thuộc loại hình: **Di tích Lịch sử**

#### **4. NHÂN VẬT LỊCH SỬ VÀ SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH**

##### **4.1. Nhân vật lịch sử**

Căn cứ vào kết quả kiểm kê năm 1964, năm 1993 và truyền ngôn trong dân gian<sup>5</sup>, biên bản các cuộc họp ghi lại ý kiến của nhân dân địa phương<sup>6</sup>, cho biết: đền được xây dựng để thờ thần Cao Sơn Cao Các, sau này phối thờ thêm Phan Hoàng Trí, Đức Ông và Tam Tòa Thánh Mẫu...

##### **4.1.1. Thần Cao Sơn Cao Các**

Việc thờ thần Cao Sơn Cao Các đã hình thành từ hàng trăm năm trước và phát triển cho đến nay. Ở Nghệ An, vị thần núi được thờ ở nhiều nơi với vị hiệu là Cao Sơn Cao Các, điển hình như huyện Quỳnh Lưu có 38 làng thờ Cao Sơn Cao Các<sup>7</sup>. Hiện nay, trong số các di tích thờ vị thần này đã có hơn 30 di tích thờ thần Cao Sơn Cao Các được xếp hạng.

Thần tích ở mỗi nơi mỗi khác, vị hiệu cũng khác nhau nhưng đều chung một tiền tố “Cao Sơn Cao Các” mở đầu. Tuy nhiên, thần tích của thần rất ít nơi lưu giữ được, các bản thần tích cũng chỉ mang tính chất chung chung. Chính vì vậy cho đến nay nhân vật Cao Sơn Cao Các vẫn còn là một ẩn số và có nhiều truyền thuyết khác nhau khi nói về vị thần này.

Để hiểu về nhân vật Cao Sơn – Cao Các, trong sách “Tục thờ thần và thần tích ở Nghệ An”, PGS Ninh Viết Giao đã trích dẫn bản khai “*Cao Sơn Cao Các thần tích*” vào đời Minh Mệnh (1820 -1840) của xã Hiếu Hạp cũ thuộc huyện Chân Lộc (nay là xã Nghi Thu, Nghi Hương, Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) do cử nhân Hoàng Thục Lang phụng sao được dịch nghĩa như sau:

<sup>5</sup> Thể hiện qua bài Về của làng từ xa xưa do cụ Nguyễn Hữu Gian, làng Văn Trai 97 tuổi chép lại trong bản thần tích làng Văn Trai

<sup>6</sup> Biên bản họp khối mặt trận xóm Văn Trai, ngày 30/11/2018; Biên bản hội nghị dân chính mở rộng, ngày 25/10/2018

<sup>7</sup> Ninh Viết Giao (2001), *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Nxb Nghệ An

“Xét thấy tôn thần Cao Sơn cả nước phụng thờ 2017 nơi thần hiệu ghi Cao Sơn tôn thần. Sách của tỉnh Hưng Yên thuật rằng, thần là người Bảo Sơn của Bắc Quốc, tên gọi Cao Hiến. Khoảng năm Khánh Lịch (1014 – 1018) đỗ Tiến sỹ làm quan đến thừa tướng, dẹp yên tứ di, sau khi mất được phong Cao Sơn đại vương, lệnh cho thiên hạ lập đền thờ. Sách của tỉnh Ninh Bình thuật rằng thần là một trong 50 người con lên núi của Lạc Long Quân, là Cao Sơn đại thần, vị thần thứ hai bên trái của núi Tản Viên vậy.

“Sự tích Cao Hiến” tra trong “Đông Đô sự lược liệt truyện Tổng danh thần ngôn hành lục” không thấy tên. Trong “Lịch đại danh thần phổ” trước thời Tống cũng không hề có ai tên Cao Hiến. Đến thời Minh có Cao Hiến là người huyện Lương. Đầu thời Minh đánh dẹp chiêu hàng Đô Giang kinh thành có công to được thăng đến chức Hậu quân Đô đốc chỉ huy thêm sự, khi mất được phong Nhữ Âm Hầu. Khảo sự trạng trong Minh sử thì không thấy liên quan gì với nước ta như trên cả, nếu có sao sử nước ta lại không ghi.

Lại xét tôn thần Cao Các cả nước có 1519 xã thôn thờ (trong số đó đã sắc phong như kể trên là 1248 nơi, còn chưa phong 265 nơi). Sự tích kể lại rằng đại tướng của Thục An Dương Vương tên là Cao Các, có thuyết nói là một trong 50 người con xuống biển của Lạc Long Quân, có thuyết nói là Cao Biền đời Đường, có thuyết nói là Cao Hiến đời Tống. Tra cứu các sách Nam Bắc đều thấy không có cứ liệu xác đáng, còn đợi khảo cứu...”<sup>8</sup>

Rõ ràng, đây không phải là một văn bản nói về thần tích của Cao Sơn Cao Các như đầu đề của nó, mà là một văn bản mang tính tổng kết các sách do các tỉnh tâu lên triều đình. Văn bản này cho thấy, Cao Sơn Cao Các từng được thờ rất nhiều nơi trên toàn đất nước, đồng thời có nhiều thuyết khác nhau khi nói về nhân vật này và người xưa, khi đọc các bản tấu thần tích cũng không phải nhắm mắt tin theo hoàn toàn mà có cái nhìn khoa học, lập luận, tra cứu các tài liệu hết sức chu đáo.

Theo Từ điển Hán Việt thì từ “cao sơn” có nghĩa là núi cao, “cao các” có nghĩa là lâu cao. Như vậy, có thể hiểu Cao Sơn Cao Các là sơn thần. Sau đó sơn thần được nhân hóa, mang một hay nhiều lý lịch nhân thế mà ngày nay lấy những tiêu chuẩn của sử học, dân tộc học hay bất cứ một ngành khoa học nào khác, không phải trường hợp nào cũng giải thích được. Và dù là Cao Hiến hay Tản Viên sơn thánh, nơi là một trong những

<sup>8</sup> Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, sdd, t.81

người con của Lạc Long Quân – Âu Cơ xuống biển, nơi là Cao Lỗ, nơi là Cao Biền, nơi là tướng của Đinh Bộ Lĩnh... dù là gì đi nữa thì đó cũng là ý niệm về một ông thần núi có sức mạnh diệu kỳ, đã từng giúp dân bảo vệ cuộc sống cho nhân dân. Tất cả hy vọng của nhân dân ngày trước về một xã hội thanh bình, mùa màng phong nậm, chống được thiên tai, không dịch tễ, mọi người no ấm khỏe mạnh... tất cả đều lung linh trong hình tượng Cao Sơn - Cao Các<sup>9</sup>.

Làng Văn Trai xưa thường xuyên bị mưa lũ hoành hành, đến mùa lũ là cả làng chìm trong biển nước. Trước hoàn cảnh đó, dân làng đã chọn nơi cao ráo nhất, xây một ngôi đền, thờ thần Cao Sơn Cao Các với mong muốn thần phù trợ cho dân làng được bình an, Khang thái. Tiếc rằng, trải qua thời gian, không còn bản thân tích nào về thần Cao Sơn Cao Các được lưu giữ trên mảnh đất này.

#### **4.1.2. Tam Tòa Thánh Mẫu**

##### **a. Mẫu Liễu Hạnh:**

Theo sách “*Truyện Kỳ Tân Phả*” của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705-1748) kể rằng Mẫu Liễu Hạnh còn có tên gọi khác là Giáng Tiên, là con gái của Ngọc Hoàng, do phạm lỗi nên bị đày xuống trần gian. Nàng thác vào một gia đình nghèo ở làng An Thái, xã Văn Cát, huyện Thiên Bản xưa (nay là xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), được cha mẹ đặt tên là Giáng Tiên. Nàng lớn lên nhan sắc xinh đẹp, lại đủ tài văn, thơ, đàn nhạc. Năm 18 tuổi, nàng được cha mẹ gả cho Đào Lang. Năm lên 21 tuổi, vào ngày mùng 3 tháng 3, năm Đinh Sửu, niên hiệu Gia Thái triều vua Lê Thế Tông<sup>10</sup>, Giáng Tiên đột ngột qua đời. Thực ra, Giáng Tiên không chết mà đã hết hạn xuống hạ giới phải về trời.

Sau đó, vì lưu luyến trần gian, công chúa đã xin với Ngọc Hoàng cho được tái sinh lần nữa. Trong kiếp mới Bà chu du khắp đất nước, thường hiển linh thực hiện nhiều phép màu, giúp dân chống xâm lược, trừng trị kẻ ác. Chính vì vậy Bà đã được thánh hoá và trở thành một vị Thánh Mẫu quan trọng nhất, là biểu tượng của sự kết hợp giữa thần linh và đời thường, chia sẻ buồn vui với những người trần tục. Bà được coi là vị thần độ lượng nhất, trực tiếp cai quản miền trần gian, nên rất nhiều nơi thờ phụng.

<sup>9</sup> Tham khảo một số di tích như: lý lịch di tích đình Đông Viên, xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn; lý lịch đền Yên Mỹ, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương

<sup>10</sup> Ninh Viết Giao (*XB năm 2000*), sách Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, NXB Nghệ An, trang 109.

Mẫu Liễu Hạnh được liệt vào một trong “tứ bất tử” (*Mẫu Liễu Hạnh, Thánh Gióng, thần Tản Viên, Chử Đồng Tử*) của hệ thống thần linh Việt Nam<sup>11</sup>.

#### **b. Mẫu Thượng Ngàn:**

Mẫu Thượng Ngàn là bà chúa trông coi miền núi rừng, địa bàn sinh sống chủ yếu của nhiều dân tộc thiểu số. Các đền thờ Mẫu Thượng Ngàn có ở hầu khắp mọi nơi.

Truyền thuyết về Mẫu Thượng ngàn cũng khá nhiều dị bản. Theo Mai Ngọc Chúc trong cuốn “Thần nữ và liệt nữ Việt Nam” chép rằng<sup>12</sup>: Vua Hùng Định Vương có một Hoàng hậu mang thai đến 3 năm vẫn chưa tới kỳ khai hoa kết trái. Một hôm đi trong rừng, bà thấy con đau ập đến, bà chỉ biết ôm chặt lấy cây quế quẩn quại. Cuối cùng đứa bé ra đời nhưng Hoàng hậu không còn nữa. Vua cha vừa yêu quý con lại thương nhớ vợ nên đặt tên con là Quế Hoa để ghi nhớ sự kiện này. Quế Hoa lớn lên xinh đẹp nhưng không nghĩ đến chuyện lấy chồng, mà thường ngày đêm ưu tư, thương nhớ mẹ. Nàng rời bỏ cung điện, đi vào rừng, mong tìm hơi hướng của người mẹ. Cảm động trước tấm lòng của con trẻ, một ông tiên đã hiện ra ban cho nàng phép trường sinh và những thuật thần thông có thể giúp đỡ được dân nghèo. Từ đó, nàng cùng mười hai thị nữ đi khắp nơi làm việc thiện, giúp dân chúng được yên vui, làng mạc trù phú. Bất ngờ, vào một ngày nọ có đám mây ngũ sắc hạ xuống đón nàng và các thị nữ về trời. Nhân dân tin rằng Quế Hoa chính là con Thượng đế được gửi xuống để giúp dân chúng, nay đã hết hạn phải trở về, nên lập đền thờ tôn Quế Hoa là bà Chúa Thượng Ngàn.

Còn truyền thuyết ở đền Bắc Lệ (*Lạng Sơn*) Mẫu Thượng Ngàn là công chúa La Bình, con gái của Sơn Tinh (*tức Tản Viên Sơn Thánh*) và Mị Nương. Nàng thường theo cha chu du khắp núi rừng, hang động, làm bạn với cây cỏ, chim thú. Thấy vậy, Thượng Đế đã ban cho nàng là nữ chúa rừng xanh (*còn gọi là chúa Thượng Ngàn*), cai quản 81 cửa rừng cõi Nam Giao. Bà thường hiển linh dạy dân trồng trọt, đi rừng, làm nương... giúp vua Trần đánh giặc Nguyên Mông bảo vệ bờ cõi đất nước; giúp Lê Lợi đến với căn cứ Lam Sơn, về sau khi vua Lê lên ngôi đã phong cho bà là “*Lê Mại Đại Vương*”.

<sup>11</sup> Tham khảo: Lý lịch di tích đền Bà Chúa, lập năm 2009, lưu kho Ban quản lý Di tích - Danh thắng Nghệ An.

<sup>12</sup> Mai Ngọc Chúc (*XB năm 2005*), sách Thần nữ và liệt nữ Việt Nam, NXB Văn hoá thông tin, nơi XB Hà Nội, t.89



### c. Mẫu Thoải:

Huyền thoại và thần tích của Mẫu Thoải cũng có nhiều bản. Theo truyền thuyết ở Tuyên Quang, đó là vị thần trị vì vùng sông nước, vốn là con Vua Bát Hải Thủy quốc Động Đình, kết duyên cùng Kính Xuyên (*con vua Đất*). Kính Xuyên nghe lời tiểu thiếp Thảo Mai vu cho bà thất tiết, đem đóng cũi bỏ lên rừng cho thú dữ ăn thịt. Tuy nhiên, bà lại được thú rừng yêu quý, hàng ngày mang vật quả đến nuôi sống Bà. Một hôm, Bà gặp được nho sĩ Liễu Nghị. Bà đã nhờ chuyển một lá thư kể hết sự tình cho vua cha Long Vương ở Động Đình nên được cứu thoát. Để đền đáp đức hạnh của Bà, người đời suy tôn Bà là Mẫu Thoải (*mẹ Nước*), lập đền thờ ở Tuyên Quang, gọi là đền Giùm (*giùm là giúp đỡ*).

Vùng Thái Bình và Nghệ Tĩnh lại có truyền thuyết rằng:

Thuở trời đất mới mở mang, vua Kinh Dương Vương thường đi chu du khắp nơi. Một ngày, tới vùng kia, Vua gặp được người con gái nhan sắc tuyệt trần và cưới làm vợ. Bà chính là mẹ của Lạc Long Quân sau này. Bà vốn là con gái của Long Vương ở Động Đình Hồ nên được giao nhiệm vụ cai quản tất cả các sông, biển, ao, hồ. Vì vậy bà được gọi là Mẫu Thoải.

Theo truyền thuyết, Mẫu Thoải cũng đã nhiều lần hiển linh giúp vua như “*Đời Lê Vĩnh Thọ, có lần thủy quái gây loạn, dâng cao nước sông Nhị, đã tràn vào Yên Phụ, sau phải cầu đến các Mẫu Thoải mới khỏi được nạn lụt*”<sup>13</sup>. Đời vua Lê Thánh Tông, khi vua đi đánh giặc ở Phương Nam và gặp nạn tại vùng Phú Xuyên, Kim Bảng, nhà vua đã cầu khẩn thần linh, Mẫu Thoải đã cử tướng đến dẹp yên mưa gió để vua tâu đi qua một cách an toàn<sup>14</sup>.

Ở Nghệ An, Tam Tòa Thánh Mẫu được thờ khá phổ biến, trong đó có làng Văn Trai, với mong muốn được Mẫu che chở, ban phúc lộc, thoát khỏi ốm đau, bệnh tật...

Ngoài các nhân vật nêu trên, tại đền còn phối thờ Phan Hoàng Trí và Đức Ông. Tuy nhiên, hiện nay, các nhân vật này chưa có tài liệu để khảo cứu.

#### 4.2. Sự kiện lịch sử

Căn cứ văn bản xác nhận của Đảng ủy xã Long Thành và lời kể của các cụ cao niên cho biết:

<sup>13</sup> Mai Ngọc Chúc (2005), sách *Thần nữ và liệt nữ Việt Nam*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, t.94

<sup>14</sup> Mai Ngọc Chúc (2005), sách *Thần nữ và liệt nữ Việt Nam*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, t.94

- Thời kỳ 1930 – 1931:

Nguyên xưa, xung quanh đền Thượng là một vùng trũng, sâu, lại có lèn Văn Trai hiểm trở<sup>15</sup>, thuận lợi cho việc tổ chức hội họp và thoát thân khi bị địch phát hiện. Vì vậy, đền thường xuyên được chọn là nơi họp bí mật của các cán bộ, đảng viên nhằm tuyên truyền, giác ngộ cách mạng do các đồng chí Nguyễn Trương, Nguyễn Yên, Doãn Văn, Doãn Trương...tổ chức. Một lần, cuộc họp đang diễn ra thì bị địch ở đồn Thịnh Đức (nay thuộc xã Bảo Thành) phát hiện, cho quân đến vây bắt. Các cán bộ, đảng viên rút vào lèn Văn Trai an toàn. Không bắt được người, chúng đốt đền, làm cháy một cột lim ở phía Tây<sup>16</sup>.

- Trong cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, đền Thượng là nơi tập trung quần chúng nhân dân để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền từ tay thực dân phong kiến.

### 5. SINH HOẠT VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH

Đền Thượng là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân trong vùng, nhằm thể hiện tấm lòng tri ân của hậu thế và cũng là nơi nương tựa tinh thần, cầu mong sự che chở, phù trợ của thần linh.

Xưa, tại đền diễn ra các kỳ lễ trong đó có 02 kì lễ lớn là lễ Khai hạ vào ngày 10/1 âm lịch và lễ Lục ngoạt ngày 16/6 – âm lịch. Cả hai kì lễ này, trình tự lễ và cách thức tiến hành cơ bản giống nhau, gồm có lễ mộc dục, gia quan, lễ yết cáo, lễ đại tế và lễ tạ. Trước khi diễn ra lễ đại tế, dân làng rước sắc đi một vòng quanh làng. Trình tự đoàn rước như sau: đi đầu đoàn rước là trống tiêu cổ, rồi đến cờ ngũ sắc, đến đội bát âm, bát bửu, chấp kích, sắc phong, kiệu của thần đền Thượng, đến thần vị của các đền, miếu trong làng, tất cả đều có tàn lọng che. Tiếp theo là các hương hào, kỳ lão, chức sắc và nhân dân quần áo chỉnh tề, đi trình tự theo hàng, khoảng cách đều nhau. Đoàn rước bắt đầu ở đền đi quanh làng rồi rá đình làng<sup>17</sup> họp tế. Theo lời kể của các cụ cao niên<sup>18</sup>, trong lễ rước này có sắc của cụ Phan Hoàng Trí. Hiện nay, tên đường rước sắc vẫn còn (gọi là đường sắc sắc – dài khoảng 1km).

Ngoài phần lễ diễn ra trang nghiêm, tại đền còn diễn ra phần hội vô cùng náo nhiệt với nhiều trò chơi dân gian truyền thống như:

<sup>15</sup> Lèn ở phía trước đền, nay đã bị phá

<sup>16</sup> Theo lời kể của cụ Đặng Trọng Biên, 87 tuổi, cụ Thái Văn Tời, 87 tuổi, người làng Văn Trai, xã Long Thành

<sup>17</sup> Đình làng hiện nay không còn, địa điểm đình nằm trong vườn nhà dân, thuộc xóm Văn Trai 7, xã Long Thành

<sup>18</sup> Cụ Đặng Trọng Biên, 87 tuổi, cụ Thái Văn Tời, 87 tuổi, cụ Đặng Trọng Cừ, 75 tuổi, cụ Đặng Trọng Toát, 75 tuổi

- Đua thuyền: được tổ chức vào ngày 15 tháng 6 (âm lịch). Xưa kia, trước đền là vùng rộc sâu, làng Văn Trai lại là vùng đất thường xuyên ngập lụt nên nhà nào cũng có thuyền. Vì vậy, cứ đến kì lễ hội, nhân dân lại tổ chức hội đua thuyền. Các thành viên tham gia là người của 4 xóm thuộc làng Văn Trai, gồm: Văn Giang, Văn Trung, Văn Hội và xóm Chòm. Mỗi người một thuyền, dùng sào để chống và đẩy thuyền đi. Các đội dùng hết sức lực để đẩy thuyền trong tiếng reo hò vang dội của những người cổ vũ ở trên bờ.

- Thi dệt chiếu:

Làng Văn Trai vốn nổi tiếng với nghề dệt chiếu. Nguyên xưa, hầu như nhà nào cũng làm nghề này. Lễ hội đền là dịp để các nhà trở tài dệt chiếu. Chiếu ở làng Văn Trai khác với chiếu ở các nơi khác ở chỗ: ngoài sử dụng nguyên liệu chính là cói<sup>19</sup> còn sử dụng vỏ cây (dân địa phương gọi là sần) ngô đồng, cây bọc bọc<sup>20</sup>... Sần được tước nhỏ, tạo thành sợi dọc, cói là sợi ngang. Tiêu chí của cuộc thi là ai về nhanh (tước vỏ cây), dệt nhanh sẽ là người chiến thắng.

- Hát tuồng

Là tiết mục được nhiều người yêu thích với đủ các vai diễn. Nổi tiếng và hay diễn nhất là tuồng Trung Trắc, Trung Nhị, Nguyễn Trãi...được thể hiện khá công phu, thu hút nhiều người đến xem.

Ngoài ra, tại đền còn diễn ra các trò chơi như kéo co, chơi cờ tướng...thu hút đông đảo nhân dân tham dự.

Trải qua quá trình biến thiên thay đổi của đền, phần sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng cũng bị mai một. Sau khi đền được phục dựng, hiện nay, các kì lễ đã cơ bản được phục hồi phần lễ. Quy mô các kì lễ được tổ chức như nhau nên tác giả xin trình bày cụ thể kì lễ Lục ngoạt (16/6). Lễ diễn ra trong 03 ngày từ ngày 14/6-16/6 âm lịch.

### 5.1. Phần lễ:

+ Lễ Mộc dục và Gia quan được tiến hành vào sáng ngày 14/6, để tắm rửa tượng, các đồ tế khí và mặc áo mào cho thần.

- Lễ vật gồm: Hoa quả, hương đăng, trầu rượu.

- Thành phần: Ban lễ nghi

- Địa điểm: tại khu vực đền Thượng

<sup>19</sup> Làng Văn Trai xưa là đất trồng cói

<sup>20</sup> Cây này mọc ở trên rừng, tên gọi do dân địa phương đặt.

+ Lễ Yết cáo tổ chức vào chiều ngày 15/6

- Địa điểm: tại đền Thượng

- Thành phần: Ban lễ nghi gồm: 01 chủ tế, 02 bồi tế, 6 chấp sự, 01 đông xướng, 01 tây xướng, đội nhạc khí.

- Lễ vật gồm xôi gà, ngũ quả, hương đăng, trầu rượu, kim ngân.

Nội dung: Ban hành lễ tiến hành tế lễ thỉnh mời các vị thần linh về tại đền để dự lễ yết cáo với 1 tuần hương, 03 tuần rượu và đọc sớ, nhằm báo cáo xin phép các chư vị thần linh được tổ chức lễ đại tế, đồng thời xin thần linh về dự và phù hộ cho mưa thuận gió hoà, trời quang mây tạnh để lễ tế thành công tốt đẹp.

\* Lễ Đại tế tổ chức vào sáng ngày 16/6:

- Địa điểm: tại đền Thượng

- Thành phần: Ban hành lễ, UBND xã Long Thành, bà con nhân dân.

- Lễ vật gồm: xôi gà, trầu cau, hoa quả, trà tửu, kim ngân..

- Nội dung: Bày biện lễ vật lên các ban thờ, thắp hương, gióng chiêng, trống báo hiệu lễ đại tế chuẩn bị tiến hành. Lễ đại tế tiến hành 3 tuần rượu và đọc chúc văn ca ngợi công đức của các vị thần, thỉnh các vị về hâm hưởng lễ vật đồng thời cầu mong các vị phù hộ độ trì cho dân an, vật thịnh, ban phúc lộc cho toàn dân, toàn xã. Các nghi lễ được tiến hành trang trọng, tôn nghiêm trong khoảng 1 giờ đồng hồ. Lễ xong, vật tế được chia ra cho mọi người tham dự cùng thụ lộc.

\* Chiều ngày 16/6: làm lễ Bái tạ và tiễn thần hồi loan

## **5.2. Phần hội:**

Hiện nay, tại đền, ngoài phần lễ diễn ra trang trọng thì phần hội cũng được tổ chức rất sôi nổi với nhiều trò chơi như đánh bóng chuyền, kéo co, thả diều, thi hát dân ca, thi đánh trống tế ...thu hút đông đảo nhân dân địa phương và nhân dân các vùng phụ cận về tham dự.

## **6. KHẢO TẢ DI TÍCH**

### **6.1. Vị trí địa lý cảnh quan**

Di tích ngoảnh mặt về hướng Nam, phía trước là cánh đồng lúa, xung quanh là khu dân cư đông đúc, trù mật. Xa xa, phía trước có dòng sông Diên uốn lượn làm minh đường, phía Tây Bắc có rú Gám chạy quanh làm hậu chẩm.

Cùng với các di tích trên địa bàn như: đền Thủ Chủ, đền thờ Hoàng Tá Thốn, nhà thờ họ Phạm đại tôn, nhà thờ họ Nguyễn Văn, đền Thượng trở thành điểm sinh hoạt văn

hoá tâm linh hấp dẫn, có giá trị giáo dục về mặt truyền thống yêu nước và cách mạng, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của Long Thành nói riêng và huyện Yên Thành nói chung.

## 6.2. Khảo tả di tích

Đền Thượng được xây dựng vào thời Nguyễn, gồm 5 công trình chính: Thượng, Trung, Hạ điện, Tả, Hữu vu và tam quan. Trải qua thời gian tồn tại lâu dài, đền bị hư hỏng, các công trình lần lượt được dỡ đi sử dụng vào mục đích khác. Đến năm 2015, đền bắt đầu được phục dựng lại.

Hiện nay, khuôn viên di tích có tổng diện tích 1386.5m<sup>2</sup>, gồm các công trình chính: Tam quan, sân, vườn, Thượng, Trung, Hạ điện,... Cụ thể các hạng mục công trình như sau:

### 6.2.1. Tam quan:

Tam quan được phục dựng năm 2018, bằng chất liệu gạch chỉ, vữa tam hợp, bao gồm: chính môn, tả, hữu môn.

\* **Chính môn:** cao 7,45m, được xây theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái.

Tầng 1 cao 5,15m, hai phía xây tường, bốn góc xây trụ, sơn màu ghi xám phía trên đồ bằng. Lòng cổng rộng 2,35m, được đóng mở bởi hai cánh cửa bằng sắt cao 3,15m, mỗi cánh rộng 1,17m. Mặt trước và mặt sau đều có nhấn đại tự, câu đối bằng chữ Hán. Nội dung như sau:

+ Đại tự ghi ở mặt ngoài:

Phiên âm: Từ Thượng linh tích

Dịch nghĩa: Đền Thượng có tích linh

+ Đại tự ghi ở mặt trong:

Phiên âm: Kim cổ anh phong

Dịch nghĩa: Xưa nay cảnh đều đẹp

Tại các trụ mặt trước, sau cũng có nhấn câu đối bằng chữ Hán, nội dung như sau:

Mặt trước

前人開基業 腹殿敬神般 妙福

後世承神盞 修祠廟自冀 鴻殷

*Phiên âm*

Tiên nhân khai cơ nghiệp, <sup>khay</sup> (lũy) điện kính thần ban diệu phúc<sup>21</sup>  
Hậu thế thừa thần lục, tu từ miếu tự ký hồng ân

*Tạm dịch*

Tiên nhân mở ra cơ nghiệp, thờ điện cúng thần, ban phúc tốt  
Người đời sau kế thừa đức của thần, tu tạo miếu mạo, mong được ơn lớn.

Mặt sau

武神文聖威肅風雲

上等最靈萬法圓通

Phiên âm:

Võ thần văn thánh uy túc phong vân  
Thượng đẳng tối linh vạn pháp, viên thông

*Tạm dịch*

Bậc thần văn thánh võ, uy danh làm yên mây gió  
Bậc thần thượng đẳng linh thiêng, muôn pháp tròn đầy

Tầng 2 cao 2,3m, bốn phía xây tường, sơn màu ghi xám. Phía trước và phía sau để trống hai khoảng hình chữ nhật, vát tròn phía trên, tạo sự thông thoáng. Mái dán ngói vẩy. Trên bờ nóc trang trí đề tài “Lưỡng long châu nhật” và các đầu đao đắp hình đầu rồng cách điệu. Hai trụ mặt ngoài nhấn dòng chữ Hán như sau:

乾坤正氣

日月光和

*Phiên âm:*

Càn khôn chính khí  
Nhật nguyệt quang hòa

*Tạm dịch:*

Chính khí của trời đất  
Ánh sáng của mặt trời mặt trăng

\* **Tả, Hữu môn:** có kết cấu và trang trí giống nhau: Tả, Hữu môn cao 3,9m, hai phía xây tường, sơn màu vàng, lòng cổng rộng 1,075m, được đóng mở bởi một cánh cửa bằng sắt cao 2,35m. Ba mái dán ngói vẩy. Ở các góc đao trang trí hình học cách điệu. Mặt trước của hai trụ bên nhấn câu đối bằng chữ Hán. Nội dung:

<sup>21</sup> Phiên âm, dịch nghĩa câu đối tại đền: Trần Mạnh Cường, cán bộ Hán Nôm thư viện tỉnh Nghệ An

門前日月安為貴

本廟靈扶人則榮

*Phiên âm:* Môn tiền nhật nguyệt an vi quý  
Bản miếu linh phù nhân tắc vinh

Tạm dịch:

Mặt trời mặt trăng ngoài cửa sáng soi, bình an là quý nhất  
Miếu này phù hộ cho người, ắt sẽ được vinh hoa.

Hai bên Tả, Hữu môn là hai đoạn tường dắc dài 2,5m, cao 1,85m, mặt ngoài đắp nổi hình long mã.

Nổi đoạn tường dắc là tường bao bao quanh phía trước và khoảng 20m phía bên phải (tính từ trong ra). Tường được chia làm hai phần: phần dưới được xây bằng gạch, vữa tam hợp, cao 0,5m. Phần trên được làm bằng các thanh sắt, cách 3m lại xây 01 cột trụ bằng gạch chỉ, vữa tam hợp cao 1,8m, cạnh 0,22x0,22m, sơn màu vàng.

#### 6.2.2. Sân di tích

Sân rộng 340m<sup>2</sup>, nền láng xi măng. Trên sân có một số công trình, hiện vật sau:

+ Góc bên phải dựng 01 bia đá cao 2,43m, dài 1,8m, rộng 0,36m, vát hai đầu phía trên, xung quanh trang trí đề tài “tứ linh” (long, ly, quy, phượng). Cả hai mặt đều khắc chữ: mặt trước khắc chữ Hán, mặt sau khắc chữ Quốc ngữ. Nội dung kể về thân tích của đền<sup>22</sup>.

+ Giữa sân xây 01 hồ bán nguyệt cao 0,55m, bán kính 2m, trong hồ đặt 01 hoàn đá cao 2,2m.

+ 01 lư hương bằng đá cao 1,2m, đường kính 0,4m, đặt trước hồ bán nguyệt.

+ 02 tượng Ông Hồ ở hai bên, ngay phía trước Hạ điện, cao 0,5m, trong tư thế ngồi châu.

Ngoài ra, trên sân còn trồng một số cây như cây đại, cây si, cây sanh...và đặt một số ghế đá do nhân dân cung tiến.

#### 6.2.3. Hữu vu

<sup>22</sup> Theo ông Đặng Trọng Đường – Tổ bảo vệ di tích: thân tích được ghi lại theo lời kể của các cụ cao niên

Hữu vu được xây dựng năm 2016, trên cơ sở khung nhà gốc của đền<sup>23</sup> dùng làm nơi tiếp khách và sửa soạn lễ vật trước khi hành lễ.

**\* Kết cấu kiến trúc:**

Hữu vu có diện tích  $44,2m^2$  (dài  $8,5m$  x rộng  $5,2m$ ), gồm 3 gian, 2 hồi. Độ cao từ đỉnh xuống nền nhà là  $4,95m$ . Ba phía xây tường dày  $0,15m$ . Phía trước trở 03 cửa, mỗi cửa gồm 4 cánh kiểu pano cao  $1,75m$ , rộng  $0,5m$ .

Hiên Hữu vu rộng  $1,2m$ , ở hai đầu thêm xây hai cột quyết cao  $2,75m$ , cạnh  $0,37m \times 0,37m$

**Hệ mái:** gồm 4 mái, hai mái trước, sau rộng  $3,2m$ , hai mái hồi rộng  $1,3m$ . Mái lợp ngói âm dương. Trên bờ nóc trang trí đề tài “lưỡng long châu nhật”, các góc mái trang trí hình đầu rồng cách điệu. Số đo 3 chiều của rui, hoành, thượng lương như sau:

- Rui mái:

+ Mái trước, sau: dài  $3,2m$ ; rộng  $0,09m$ ; dày  $0,015m$ .

+ Mái hồi: dài  $1,3m$ ; rộng  $0,09m$ ; dày  $0,015m$ .

- Hoành mái: dài  $6,75m$ ; rộng  $0,07m$ ; dày  $0,07m$ .

- Thượng lương: dài  $6,75m$ ; rộng  $0,12m$ ; dày  $0,07m$ .

**Hệ khung:** Nâng đỡ mái là hệ thống khung nhà bằng gỗ với 4 bộ vì có kết cấu kiểu “kèo đôi” (hay “kèo kép”): đỉnh của bộ vì là thượng lương, ty lực lên đầu hình thuyền, hai bên, mỗi bên 02 thanh kẻ suốt (rộng  $0,15m$ ; dày  $0,035m$ ) chạy xuống theo chiều rộng của mái đỡ lấy hoành. Phần dưới của đôi kẻ suốt lại được định vị bằng một mộng chốt. Câu đầu (rộng  $0,16m$ ; dày  $0,08m$ ) nối hai cột cái trốn bằng hình thức ăn mộng. Các cột cái trốn ty lực lên xà ngang (rộng  $0,2m$ ; dày  $0,12m$ ). Các cấu kiện chủ yếu được bào trơn, đóng bén.

Tại Hữu vu, mỗi vì có 4 cột, tổng cộng là 16 cột, trong đó có 8 cột cái (trốn) và 8 cột quân. Kích thước các cột như sau:

- Cột cái trốn: cao  $0,6m$ , cạnh  $0,14m \times 0,14m$ .

- Cột quân: cao  $3,55m$ , đường kính  $0,18m$ , được đặt trên tầng kê cao  $0,1m$ , cạnh  $0,25m \times 0,25m$ .

Nền nhà được lát gạch đất nung, kích thước  $0,25m \times 0,25m$ .

<sup>23</sup> Theo các cụ cao niên kể lại, khung nhà này vốn là khung của Hữu vu, sau được dỡ đi sử dụng vào mục đích khác và bán cho người dân. Sau khi khôi phục lại đền, ban vận động xây dựng đền đã tìm hiểu và chuộc về.



Số đo kết cấu kiến trúc dọc: 1,15m – 2,85m – 1,2m

Số đo kết cấu kiến trúc ngang: 1,15m – 2m – 2,2m – 2m – 1,15m.

**\* Bài trí nội thất:**

Hữu vu là nơi trực tiếp khách, không bài trí thờ tự

**6.2.4. Hạ điện:**

Hạ điện được phục dựng vào năm 2015, với bộ khung nguyên là của Hạ điện xưa<sup>24</sup>

**\* Kết cấu kiến trúc:**

Hạ điện có diện tích 95m<sup>2</sup> (dài 14,45m x rộng 6,4m), gồm 5 gian, hai hồi. Độ cao từ đỉnh xuống nền nhà là 5,45m. Hai phía xây tường dày 0,15 m. Riêng phía sau chỉ xây tường, dày 0,15m ở gian giữa, còn lại để trống, thông với sân lộ thiên.

Hiên nhà Hạ điện rộng 1,35m, ở hai đầu thêm xây hai cột quyết cao 2,95m, cạnh 0,37m x 0,37m. Các mặt đắp nổi chữ Hán, nội dung:

德大安民千古盛

千秋恩霧覆民靈

*Phiên âm:* Đức đại an dân thiên cổ thịnh

Thiên thu ân vụ phúc dân linh

*Tạm dịch:* Đức lớn làm yên dân ngàn năm thịnh vượng

Ngàn thu ơn huệ che chở dân đen

Hai bên tường ở phía ngoài hiên đắp tượng ông lính cao 1,5m.

**Hệ mái:** gồm 4 mái, lợp ngói âm dương. Chiều rộng của mái là: 02 mái trước, sau 3,9m, hai mái hồi 1,4m. Trên bờ nóc trang trí “lưỡng long châu nhật”, các đầu đao trang trí đầu rồng cách điệu. Số đo 3 chiều của rui, hoành, thượng lương như sau:

- Rui:

+ Hai mái trước, sau: dài 3,9m; rộng 0,08m; dày 0,015m.

+ Hai mái hồi: dài 1,4m; rộng 0,08m; dày 0,015m.

- Hoành: dài 13m; rộng 0,09m; dày 0,08m.

- Thượng lương: dài 13m; rộng 0,2m; dày 0,1m.

<sup>24</sup> Theo các cụ cao niên kể lại: Hạ điện được dỡ đi sử dụng vào mục đích khác, sau đó bán cho người dân. Sau khi khôi phục lại đền, ban vận động xây dựng đền đã tìm hiểu và chuộc về.

**Hệ khung:** Nâng đỡ mái là khung nhà bằng gỗ với 06 bộ vì kiểu “giá chiêng kê chuyên”: Đỉnh của bộ vì là thượng lương, tỷ lệ lên đầu hình chữ nhật. Đầu tỷ lệ lên con rường hình cánh cung. Con rường tỷ lệ lên câu đầu (rộng 0,21m; dày 0,12m) qua hai đầu hình tròn. Hai thanh kê hai bên ăn mộng qua câu đầu, cột cái (có 4 bộ vì trốn cột cái) và vươn ra đỡ lẩy hoành. Các cột cái trốn tỷ lệ lên xà ngang (rộng 0,25m; dày 0,14m) qua đầu vuông thót đáy. Các cấu kiện gỗ chủ yếu được bào trơn, đóng bén, chỉ có hai đầu con rường được cách điệu thành hình đầu rồng.

Tại Hạ điện, mỗi vì có 4 cột, tổng cộng là 24 cột, trong đó 12 cột cái (trốn 8 cột), 12 cột quân. Kích thước cột và một số cấu kiện gỗ như sau:

- Cột cái: cao 4,5m; đường kính 0,21m. Các cột được đặt trên tảng kê cao 0,15m, cạnh 0,38m x 0,38m.

- Cột cái trốn: cao 0,7m, đường kính 0,2m.

- Cột quân: cao 3,8m, đường kính 0,18m. Các cột được đặt trên tảng kê cao 0,15m, cạnh 0,38m x 0,38m.

Nền nhà được lát gạch đất nung, kích thước 0,35m x 0,35m.

Số đo kết cấu kiến trúc dọc: 1,2m - 2,25m - 2,5m - 2,9m - 2,5m - 2,25m - 1,25m.

Số đo kết cấu kiến trúc ngang: 1,25m - 1,1m - 1,6m - 1,1m - 1,35m

#### \* **Bài trí nội thất:**

Hạ điện bài trí 01 gian thờ công đồng ở gian chính giữa như sau:

Ngoài cùng là một đôi hạc bằng gỗ cao 1,5m, sơn son thiếp vàng. Phía sau bài trí 1 hương án gỗ cao 1,3m; rộng 0,9m; dài 1,7m, mặt trước chia ô chạm khắc đề tài “tứ linh”, “tứ quý”. Trên hương án bài trí 01 lư hương bằng đồng cao 0,24m. Bên phải lư hương là 01 mâm cỗ bằng sứ cao 0,25m, đường kính 0,4m; 01 ống đựng hương bằng gỗ cao 0,4m. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ cao 0,3m. Phía sau lư hương là 01 mâm chè bằng gỗ cao 0,12m, rộng 0,3m, dài 0,25m. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trà, 01 bát bằng sứ đựng nước lọc. Hai bên mâm chè là 02 hạc bằng đồng cao 0,22m. Trong cùng bài trí 01 khám thờ bằng gỗ cao 0,45m, sơn son thiếp vàng.

Gian bên trái bài trí 01 trống bằng gỗ, da.

Trên xà treo bức đại tự bằng đồng, khắc chữ Hán, có nội dung: Đời đời ghi nhớ

#### **6.2.5. Sân lộ thiên**

Có hai sân lộ thiên:

- Sân lộ thiên 1 nằm giữa Hạ điện và Trung điện, có diện tích  $60,89 \text{ m}^2$  ( $14,85 \text{ m} \times 4,1 \text{ m}$ ), nền lát gạch đất nung kích thước  $0,35 \text{ m} \times 0,35 \text{ m}$ . Ở hai bức tường hai bên đắp nổi hình con voi trên lưng cổng kiệu bành. Hai bức tường phía sau (nối với Trung điện) đắp nổi tượng hai con ngựa: ngựa bên phải màu trắng, bên trái màu nâu.

- Sân lộ thiên 2 nằm giữa Trung điện và Thượng điện, có diện tích  $24,7 \text{ m}^2$  ( $9,5 \text{ m} \times 2,6 \text{ m}$ ), nền lát gạch đất nung kích thước  $0,35 \text{ m} \times 0,35 \text{ m}$ . Ở hai bức tường hai bên đắp nổi hình quan văn, quan võ. Hai bức tường phía sau (nối với Thượng điện) đắp đề tài: bên phải là “tùng, cúc, trúc, mai”, bên trái là “tứ linh” (long, ly, quy, phượng).

### 6.2.6. Trung điện.

Trung điện được phục dựng vào năm 2015, với bộ khung nguyên là của Trung điện xưa<sup>25</sup>

#### \* Kết cấu kiến trúc:

Trung điện có diện tích  $49,8 \text{ m}^2$  (dài  $9,5 \text{ m}$  x rộng  $5,25 \text{ m}$ ), gồm 3 gian, hai hồi. Độ cao từ đỉnh xuống nền nhà là  $4,75 \text{ m}$ . Ba phía xây tường dày  $0,15 \text{ m}$ . Phía trước để trống thông sân lộ thiên.

Ở hai đầu thêm xây hai cột quyết cao  $2,7 \text{ m}$ , cạnh  $0,34 \text{ m} \times 0,34 \text{ m}$ .

**Hệ mái:** gồm 4 mái, lợp ngói âm dương. Chiều rộng của mái là: 02 mái trước, sau  $3,2 \text{ m}$ , 02 mái hồi  $1,35 \text{ m}$ . Trên bờ nóc, ở giữa trang trí “lưỡng long châu nhật”, hai đầu kim và các đầu đao trang trí đầu rồng cách điệu. Số đo 3 chiều của rui, hoành, thượng lương như sau:

- Rui:

+ Hai mái trước, sau: dài  $3,2 \text{ m}$ ; rộng  $0,08 \text{ m}$ ; dày  $0,015 \text{ m}$ .

+ Hai mái hồi: dài  $1,35 \text{ m}$ ; rộng  $0,08 \text{ m}$ ; dày  $0,015 \text{ m}$ .

- Hoành: dài  $7,8 \text{ m}$ ; rộng  $0,09 \text{ m}$ ; dày  $0,08 \text{ m}$ .

- Thượng lương: dài  $7,8 \text{ m}$ ; rộng  $0,12 \text{ m}$ ; dày  $0,12 \text{ m}$ .

**Hệ khung:** Nâng đỡ mái là khung nhà bằng gỗ với 04 bộ vì kiểu “thượng ván mê hạ kẻ”: Đỉnh của bộ vì là thượng lương, tỷ lệ ván mê hình tam giác. Ở giữa ván mê tạo hình chữ nhật, các cạnh bên khoét lỗ đỡ lấy hoành. Ván mê tỷ lệ lên câu đầu (rộng

<sup>25</sup> Theo các cụ cao niên kể lại, Trung điện được dỡ đi sử dụng vào mục đích khác, sau đó bán cho người dân. Sau khi khôi phục lại đền, ban vận động xây dựng đền đã tìm hiểu và chuộc về.

0,18m; dày 0,18m). Cầu đầu nổi hai cột cái (trón) bằng hình thức ăn mộng. Hai thanh kê hai bên ăn mộng qua xà ngang (rộng 0,22m; dày 0,1m), cột quân và vươn ra đỡ lấy hoành. Các cột cái trón tỳ lực lên xà ngang qua đầu vuông thót đáy. Các cấu kiện gỗ chủ yếu được bào trơn, soi chỉ.

Tại Trung điện, mỗi vì có 4 cột, tổng cộng là 16 cột, trong đó có 8 cột cái (trón) và 8 cột quân. Kích thước các cột như sau:

- Cột cái trón: cao 0,5m, đường kính 0,16m.

- Cột quân: cao 3,5m, đường kính 0,18m. Các cột được đặt trên tầng kê cao 0,1m, cạnh 0,3m x 0,3m.

Nền nhà được lát gạch đất nung, kích thước 0,35m x 0,35m.

Số đo kết cấu kiến trúc dọc: 1,15m – 2,2m – 2,85m – 2,2m – 1,1m.

Số đo kết cấu kiến trúc ngang: 1,3m – 2,6m – 1,35m.

#### \* Bài trí nội thất:

Trung điện bài trí 03 gian thờ như sau:

**Gian giữa:** Bài trí thờ Tam Tòa Thánh Mẫu. Cung thờ được bài trí như sau:

Ngoài cùng là 01 hương án bằng gỗ cao 1,2m, rộng 0,7m, dài 1,5m, mặt trước chia ô chạm khắc đề tài “tứ linh”, “tứ quý”. Trên hương án bài trí: 01 lư hương bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,2m, hai bên lư hương là 02 cọc nền bằng đồng cao 0,45m. Phía sau lư hương là bộ đỉnh trầm cao 0,5m và 02 hạc bằng đồng cao 0,47m. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ cao 0,3m. Bên phải lư hương là 01 mâm cổ bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,4m.

Tiếp sau hương án là 01 bàn thờ hai cấp bằng gỗ. Các mặt chia ô, kết hợp chạm lộng và chạm bong kênh đề tài “tứ linh”, “tứ quý”.

+ Cấp thứ nhất cao 1,2m, rộng 0,4m, dài 1,5m. Trên cấp này bài trí: 01 mâm chè bằng gỗ cao 0,12m, rộng 0,3m, dài 0,25m. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trầu, 01 bát bằng sứ đựng nước lọc. Hai bên mâm chè bài trí 02 mâm cổ bằng gỗ cao 0,2m, đường kính 0,45m.

+ Cấp thứ hai cao 1,5m, rộng 0,35m, dài 1,5m. Trên cấp này bài trí: 03 pho tượng Tam Tòa Thánh Mẫu bằng gỗ trong tư thế ngồi xếp bằng, cao 0,6m, tượng Mẫu Thượng Thiên (Mẫu Liễu Hạnh) ngồi giữa, đầu đội mũ đỏ, mặc yếm đỏ. Bên phải Mẫu Thượng Thiên (từ trong ra) là Mẫu Thượng Ngàn, cổ áo viền màu xanh, bên trái Mẫu Thượng

Thiên là Mẫu Thoải, cổ áo viền màu trắng. Hai bên tượng bài trí 02 đèn thờ bằng đồng cao 0,3m.

Trên xà hạ treo bức đại tự bằng đồng, khắc chữ Hán có nội dung: Vạn cổ anh linh

**Gian bên phải (ngoài vào):** Bài trí thờ Quan Nghè Phan Hoàng Trí. Cung thờ bài trí như sau:

Ngoài cùng là 01 hương án bằng gỗ cao 1,3m, rộng 0,52m, dài 1,6m. Các mặt chia ô, chạm lõng đề tài “tứ linh”, “tứ quý”. Trên hương án bài trí: 01 lư hương bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,2m, hai bên lư hương là 02 cọc nền bằng đồng cao 0,45m. Phía sau lư hương là bộ đỉnh trầm cao 0,5m và 02 hạc bằng đồng cao 0,47m. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ cao 0,3m. Bên phải lư hương là 01 mâm cổ bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,4m.

Tiếp sau hương án là 01 bàn thờ hai cấp bằng gỗ. Các mặt chia ô, kết hợp chạm lõng và chạm bong kênh đề tài “tứ linh”, “tứ quý”.

+ Cấp thứ nhất cao 1,2m, rộng 0,4m, dài 1,6m. Trên cấp này bài trí: 01 mâm chè bằng gỗ cao 0,12m, rộng 0,3m, dài 0,25m. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trầu, 01 bát bằng sứ đựng nước lọc. Hai bên mâm chè bài trí 02 mâm cổ bằng gỗ cao 0,2m, đường kính 0,45m.

+ Cấp thứ hai cao 1,4m, rộng 0,3m, dài 1,6m, bài trí: 01 pho tượng Quan Nghè Phan Hoàng Trí bằng gỗ, trong tư thế ngồi, cao 0,6m, đầu đội mũ cánh chuồn. Hai bên tượng bài trí 02 đèn thờ bằng đồng cao 0,3m.

Hồi phía bên phải bài trí 01 bộ binh khí bằng gỗ.

**Gian bên trái (ngoài vào):** Bài trí thờ Đức Ông. Cung thờ bài trí như sau:

Ngoài cùng là 01 hương án bằng gỗ cao 1,3m, rộng 0,52m, dài 1,6m. Các mặt chia ô, chạm lõng đề tài “tứ linh”, “tứ quý”. Trên hương án bài trí: 01 lư hương bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,2m, hai bên lư hương là 02 cọc nền bằng đồng cao 0,45m. Phía sau lư hương là bộ đỉnh trầm cao 0,5m và 02 hạc bằng đồng cao 0,47m. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ cao 0,3m. Bên phải lư hương là 01 mâm cổ bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,4m.

Tiếp sau hương án là 01 bàn thờ hai cấp bằng gỗ. Các mặt chia ô, kết hợp chạm lõng và chạm bong kênh đề tài “tứ linh”, “tứ quý”.

+ Cấp thứ nhất cao 1,2m, rộng 0,4m, dài 1,6m. Trên cấp này bài trí: chính giữa là 01 mâm chè bằng gỗ cao 0,12m, rộng 0,3m, dài 0,25m. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trầu, 01 bát bằng sứ đựng nước lọc. Hai bên mâm chè bài trí 02 mâm cổ bông bằng gỗ cao 0,2m, đường kính 0,45m.

+ Cấp thứ hai cao 1,4m, rộng 0,3m, dài 1,6m, bài trí: 01 pho tượng Đức Ông bằng gỗ, trong tư thế ngồi trên long ngai, cao 0,6m. Hai bên tượng bài trí 02 đèn thờ bằng đồng cao 0,3m.

Hồi phía bên trái bài trí 01 bộ binh khí bằng gỗ.

#### 6.2.7. Thượng điện.

Thượng điện được phục dựng năm 2015

##### \* Kết cấu kiến trúc:

Thượng điện có diện tích 24,5m<sup>2</sup> (dài 5,45m x rộng 4,5m), gồm 01 gian, 01 hồi dọc. Độ cao từ đỉnh xuống nền nhà là 4,25m. Ba phía xây tường dày 0,15m. Phía trước trở 3 cửa, được làm theo kiểu pano, gồm: cửa giữ gồm 4 cánh, mỗi cánh cao 1,5m, rộng 0,5m; hai cửa hai bên mỗi cửa gồm 01 cánh cao 1,65m, rộng 0,5m.

Hiên nhà Thượng điện rộng 1,35m, ở hai đầu thêm xây hai cột quyết cao 2,5m, cạnh 0,34m x 0,34m. Trên cột quyết nhấn đôi câu đối bằng chữ Hán:

Mặt trong

禮樂威儀敬神如在

歐歌鼓舞樂在人和

*Phiên âm:*

Lễ nhạc uy nghi, kính thần như tại

Âu ca cổ vũ, lạc tại nhân hòa

*Tạm dịch:*

Lễ nhạc nghiêm trang, kính thần như thần đang sống

Hát ca, múa trống, vui vẻ cốt ở nhân hòa

Mặt ngoài

最秀最靈尊聖恢比越國泰

菝文菝宇神功傳世護民安

*Phiên âm:*

Tối tú tối linh, tôn thánh khôi tỷ Việt quốc thái

Cấp văn cấp vũ, thần công truyền thế hộ dân an

*Tạm dịch:* Hết mực linh thiêng, thánh ban phúc cho nước Việt thái bình

**Hệ mái:** gồm 3 mái, lợp ngói âm dương. Chiều rộng của mái là: 02 mái hai bên 2,85m, 01 mái hồi 1,4m. Số đo 3 chiều của rui, hoành, thượng lương như sau:

- Rui:

+ Hai mái hai bên: dài 2,85m; rộng 0,09m; dày 0,015m.

+ Mái hồi: dài 1,4m; rộng 0,09m; dày 0,015m.

- Hoành: dài 4,4m; rộng 0,09m; dày 0,08m.

- Thượng lương: dài 4,4m; rộng 0,18m; dày 0,1m.

**Hệ khung:** Nâng đỡ mái là khung nhà bằng gỗ với 02 bộ vì kiểu “thượng giao nguyên hạ kê”: Đỉnh của bộ vì là thượng lương, tỳ lực lên giao điểm của 4 thanh kê (mỗi bên hai thanh). Hai thanh kê dưới ăn mộng qua cột quân và vươn ra đỡ lấy hoành. Cầu đầu (rộng 0,2m, dày 0,1m) nối hai cột cái trôn vào khung bằng hình thức ăn mộng. Các cột cái trôn tỳ lực lên xà ngang qua đầu vuông thót đáy. Các cấu kiện gỗ chủ yếu được bào trơn, soi chỉ.

Tại Thượng điện, mỗi vì có 4 cột, tổng cộng là 8 cột, trong đó trôn 4 cột cái. Kích thước các cột như sau:

- Cột cái trôn: cao 0,65m, đường kính 0,19m

- Cột quân: cao 3,05m, đường kính 0,21m, được đặt trên tảng kê cao 0,15m, cạnh 0,36m x 0,36m.

Nền nhà được lát gạch đất nung, kích thước 0,35m x 0,35m.

Số đo kết cấu kiến trúc dọc: 1,25m – 2,85m – 1,35m.

Số đo kết cấu kiến trúc ngang: 0,95m – 2,6m – 0,95m.

**\* Bài trí nội thất:**

Thượng điện bài trí thờ Thần Cao Sơn Cao Các. Cung thờ được bài trí như sau:

Ngoài cùng là 01 đôi hạc bằng gỗ. Tiếp đến là 01 hương án bằng gỗ. Trên hương án bài trí gồm: 01 lư hương bằng đồng, ở hai góc hương án đối xứng qua hai bên lư hương là 02 cọc nền bằng đồng. Phía sau lư hương là bộ đỉnh trầm và hạc bằng đồng. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ. Bên phải lư hương là 01 đĩa bông bằng sứ.

Tiếp sau hương án là 01 bàn thờ hai cấp bằng gỗ.

+ Cấp thứ nhất bài trí gồm: chính giữa là 01 mâm chè bằng gỗ. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trầu, 01 bát bằng sứ. Hai bên mâm chè bài trí 02 đĩa bông bằng gỗ.

+ Cấp thứ hai bài trí gồm: 01 pho tượng Thần Cao Sơn Cao Các bằng gỗ. Hai bên tượng bài trí 02 đèn thờ bằng đồng và 02 bình hoa gỗ. Ngoài cùng là 01 đôi hạc bằng gỗ cao 1,6m, sơn son thiếp vàng. Các mặt chia ô, chạm lõng kết hợp chạm bong kênh đề tài “tứ linh”, “tứ quý”. Tiếp đến là 01 hương án bằng gỗ cao 1,2m, rộng 1,12m, dài 1,5m. Trên hương án bài trí: 01 lư hương bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,2m, hai bên lư hương là 02 cọc nến bằng đồng cao 0,45m. Phía sau lư hương là bộ đỉnh trầm cao 0,5m và 02 hạc bằng đồng cao 0,47m. Bên trái lư hương là 01 bình hoa bằng sứ cao 0,35m. Bên phải lư hương là 01 mâm cỗ bằng đồng cao 0,25m, đường kính 0,4m. Sau đỉnh trầm bài trí 01 hộp đựng sắc cao 0,12m, dài 0,8m, rộng 0,2m.

Tiếp sau hương án là 01 bàn thờ hai cấp bằng gỗ. Các mặt chia ô, kết hợp giữa chạm lõng và chạm bong kênh đề tài “tứ linh”, “tứ quý”

+ Cấp thứ nhất cao 1,4m, rộng 0,4m, dài 1,6m. Trên cấp này bài trí: 01 mâm chè bằng gỗ cao 0,12m, rộng 0,3m, dài 0,25m. Trên mâm chè bài trí 01 bộ be và chén rượu, 01 bộ ấm chén trà, 01 đĩa trầu, 01 bát bằng sứ đựng nước lọc. Hai bên mâm chè bài trí 02 mâm cỗ bằng gỗ cao 0,2m, đường kính 0,45m.

+ Cấp thứ hai cao 1,5m, rộng 0,3m, dài 1,6m. Trên cấp này bài trí 01 pho tượng Thần Cao Sơn Cao Các bằng gỗ, ngồi trên long ngai. Tượng cao 0,7m. Hai bên tượng bài trí 02 đèn thờ bằng đồng cao 0,3m và 02 bình hoa gỗ cao 0,4m.

Ngoài ra, trong khuôn viên đền Thượng, ở phía bên phải (*tính từ ngoài vào*) còn xây dựng một số công trình sau:-

- 01 lò hóa hương cao 1,4m, cạnh 1,2m x 1,2m.

- 01 bàn thờ 2 cấp bằng xi măng. Đây là nơi thờ các vong linh không nơi nương tựa.

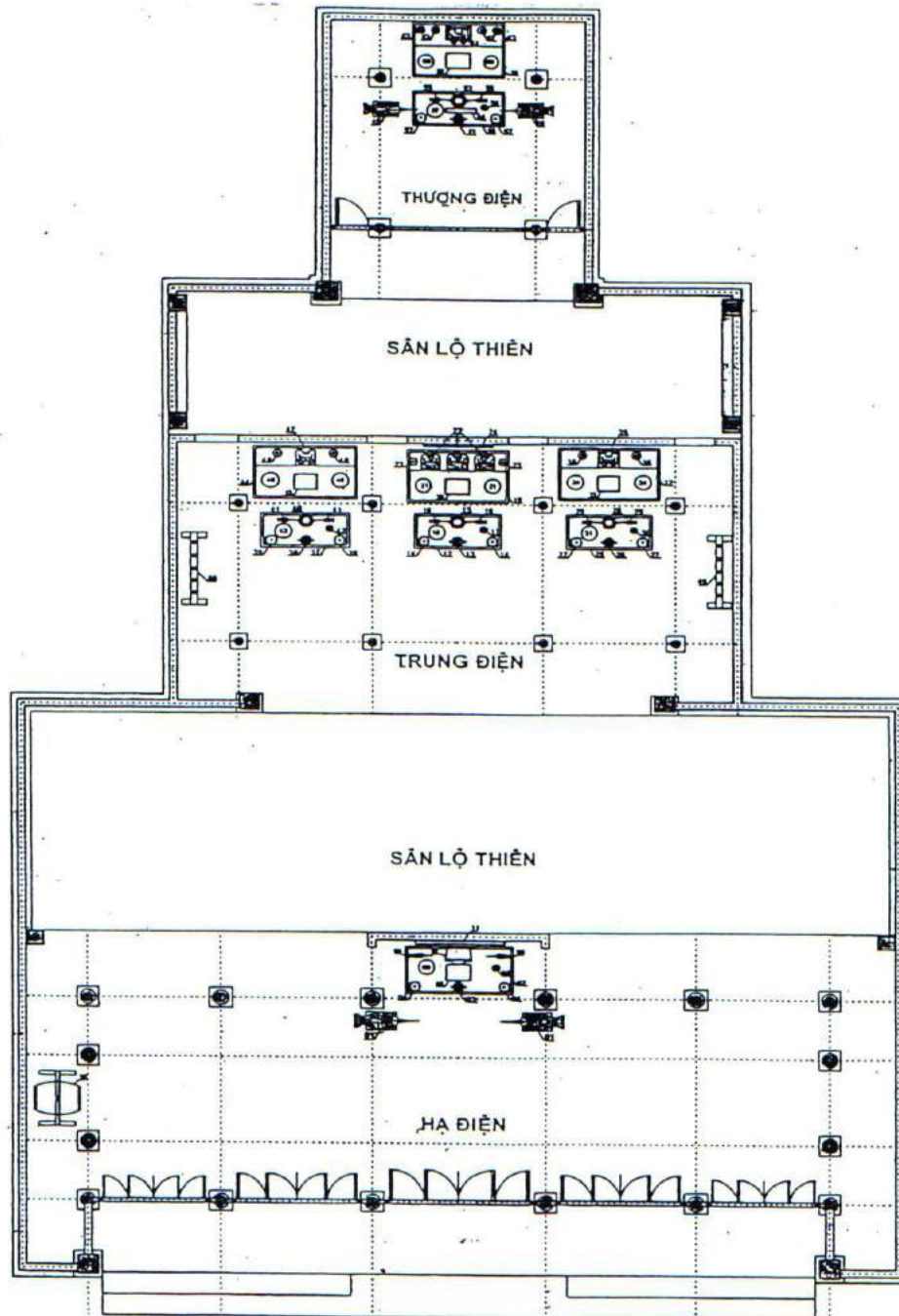
- 01 am thờ cao 2,7m. Đây là nơi thờ thần Nông.

- 01 nhà 03 gian bằng gỗ. Đây là nơi thờ các vong linh được nhân dân gửi vào đền.



## 7. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA THUỘC DI TÍCH

Hiện nay, tại đền Thượng có 86 hiện vật bằng chất liệu xi măng, gỗ, đồng, sứ, trong đó có 6 cổ vật có giá trị. Các hiện vật, cổ vật được bài trí như sau



### CHÚ THÍCH:

- 01: HẠC
- 02: HƯƠNG AN
- 03: LƯ HƯƠNG
- 04: CỌC NÉN
- 05: MÂM CHÈ
- 06: HẠC
- 07 : KHẤM THỜ
- 08: LỘ HOA
- 09: MÂM CỐ BÓNG
- 10: TRỐNG
- 11: ĐÀI TỰ
- 12: HƯƠNG AN
- 13: LƯ HƯƠNG
- 14: CỌC NÉN
- 15: ĐÌNH TRÁM
- 16: HẠC
- 17: LỘ HOA
- 18: MÂM CỐ BÓNG
- 19: HƯƠNG AN
- 20: MÂM CHÈ
- 21: MÂM CỐ BÓNG
- 22: TƯỢNG
- 23: ĐÈN THỜ
- 24: ĐÀI TỰ
- 25: HƯƠNG AN
- 26: LƯ HƯƠNG
- 27: CỌC NÉN
- 28: ĐÌNH TRÁM
- 29: HẠC
- 30: LỘ HOA
- 31: MÂM BÓNG
- 32: HƯƠNG AN
- 33: MÂM CHÈ
- 34: MÂM BÓNG
- 35: TƯỢNG
- 36: ĐÈN THỜ
- 37: HƯƠNG AN
- 38: LƯ HƯƠNG
- 39: CỌC NÉN
- 40: ĐÌNH TRÁM
- 41: HẠC
- 42: LỘ HOA
- 43: MÂM BÓNG
- 44: HƯƠNG AN
- 45: MÂM CHÈ
- 46: MÂM BÓNG
- 47: TƯỢNG
- 48: ĐÈN THỜ
- 49: HẠC
- 50: HƯƠNG AN
- 51: LƯ HƯƠNG
- 52: CỌC NÉN
- 53: ĐÌNH TRÁM
- 54: HỘP SẮC
- 55: HẠC
- 56: LỘ HOA
- 57: MÂM BÓNG
- 58: HƯƠNG AN
- 59: MÂM CHÈ
- 60: MÂM BÓNG
- 61: TƯỢNG
- 62: ĐÈN THỜ
- 63: LỘ HOA

## **8. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, KHOA HỌC THẨM MỸ CỦA DI TÍCH.**

### **8.1. Giá trị lịch sử.**

Đền Thượng được xây dựng cách đây hàng thế kỷ, gắn liền với những thăng trầm của lịch sử, với nhiều thế hệ người dân. Quy mô của đền tương đối lớn. Điều này chứng tỏ đời sống vật chất và tinh thần của làng Văn Trai xưa khá đầy đủ, hưng thịnh.

Nhân vật thờ chính tại đền là sơn thần Cao Sơn Cao Các. Tín ngưỡng thờ nhiên thần nói chung và tín ngưỡng thờ sơn thần nói riêng đã tồn tại trong đời sống của cư dân Việt nói chung và cư dân Nghệ An nói riêng từ thừa sơ khai. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, tín ngưỡng ấy không mất đi mà trường tồn cùng sự phát triển của dân tộc. Thông qua nhân vật này, chúng ta càng hiểu thêm về tín ngưỡng này trên mảnh đất xứ Nghệ. Rõ ràng, không chỉ miền núi mới thờ thần núi mà ngay cả vùng đồng bằng, chiêm trũng, người dân cũng ngưỡng vọng, thờ cúng thần.

Tam Tòa Thánh Mẫu là một trong những tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung. Đây là tín ngưỡng được thờ phổ biến ở Nghệ An, gắn liền với cư dân nông nghiệp. Việc nhân vật này được thờ ở đây cũng là một minh chứng quan trọng khẳng định sức sống, sức lan tỏa của tín ngưỡng thờ Mẫu, là cứ liệu để các nhà nghiên cứu có thêm cơ sở khi nghiên cứu, đánh giá loại hình tín ngưỡng này trên mảnh đất xứ Nghệ. Ngoài ra, các nhân vật được phối thờ còn lại đều là những vị thần được nhân dân địa phương trân quý, ngưỡng vọng. Họ có thể là nhân thần, nhiên thần nhưng đều có một điểm chung là rất linh thiêng, luôn che chở, phù trợ cho người dân có cuộc sống bình yên, ấm no và hạnh phúc.

Đền Thượng và khu vực xung quanh đền còn là nơi diễn ra các sự kiện lịch sử của địa phương trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Điều đó minh chứng truyền thống đấu tranh của nhân dân làng Văn Trai nói riêng và xã Long Thành nói chung. Việc tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử của làng, xã còn giúp hậu thế hiểu thêm về sự hình thành và phát triển của một vùng đất, địa danh làng, xã nơi di tích hiện hữu.

### **8.2. Giá trị văn hóa.**

Đền Thượng là nơi tưởng niệm, nơi tôn thờ những vị thần có công với dân, với nước, nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân địa phương. Từ hàng trăm năm nay, ngoại trừ thời gian đền bị hư hỏng, tháo dỡ phục vụ mục đích khác, phải gửi đồ tế khí về đền Độc Lôi (Long Thành), đền Cả (Nhân Thành) thì đây vẫn luôn là địa chỉ sinh hoạt văn hóa

tâm linh thu hút đông đảo nhân dân địa phương và vùng phụ cận, là nơi gửi gắm niềm tin, hy vọng, cầu mong cuộc sống được an lành, ấm no và hạnh phúc.

Xưa, hàng năm tại di tích diễn ra nhiều hoạt động văn hóa tâm linh như lễ khai hạ (10/1 âm lịch), lễ Lục ngoạt (16/6 – âm lịch)... Ngoài việc tỏ lòng thành kính, tri ân các vị thần đã có công bảo quốc hộ dân thì các hoạt động lễ hội tại di tích đã phản ánh sinh động và phong phú đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân làng Văn Trai lúc bấy giờ. Đó là nghề dệt chiếu. Xưa kia, ở làng Văn Trai, nhà nhà dệt chiếu, người người dệt chiếu. Chiếu của làng Văn Trai nổi tiếng khắp vùng đất Yên Thành. Thậm chí, khi đó, nhắc đến làng Văn Trai là người ta nghĩ ngay đến nghề dệt chiếu. Chính nghề này đã giúp dân làng có cuộc sống ấm no. Đời sống tinh thần cũng vì vậy mà được nâng cao. Các hoạt động văn hóa như diễn tuồng, chèo diễn ra ở đây cũng góp phần minh chứng cho sức hấp dẫn của loại hình nghệ thuật truyền thống. Cùng với trống tế, loại hình nghệ thuật này cũng được xem là món ăn tinh thần không thể thiếu của cư dân Yên Thành. Vào những ngày hội đền, người dân hầu như vắng bóng trên các cánh đồng mà tập trung ở xung quanh khu vực đền, tham gia và cổ vũ cho các « đấu thú » trong các trò chơi dân gian truyền thống mang đậm phong cách của phương.

Hiện nay, phần lễ trong các kỳ lễ nêu trên đã được phục hồi. Tuy chưa bài bản được như xưa nhưng đã đáp ứng được phần nào nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân xã Long Thành vùng phụ cận. Những nghi thức tế lễ và những hoạt động văn hóa tâm linh cũng chính là một trong những nét văn hoá đặc sắc, góp phần bảo lưu và gìn giữ các giá trị văn hoá phi vật thể mà cha ông đã dày công sáng tạo và vun đắp, góp phần xây dựng đạo đức, lối sống tốt đẹp, cố kết cộng đồng, bồi đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước.

### **8.3. Giá trị khoa học thẩm mỹ của di tích:**

Đền Thượng nằm trên một vùng đất thoáng đãng. Vị trí đền được người xưa lựa chọn kỹ lưỡng theo quan niệm phong thủy của người Việt nhằm hội tụ được linh khí, đem lại sự bình an, thịnh vượng cho dân làng.

Đền có khuôn viên khá rộng, là cơ sở phục vụ các kỳ lễ truyền thống diễn ra tại đền. Một số công trình (Hạ, Trung điện, Hữu vu) cơ bản vẫn giữ được khung nhà nguyên gốc, các công trình mới được phục dựng theo lối kiến trúc truyền thống từ hình dáng,

kết cấu khung nhà đến đề tài trang trí trên hệ mái, trên kiến trúc gỗ... nên vẫn toát lên được sự cổ kính, tôn nghiêm cần có của một công trình kiến trúc tâm linh.

Các công trình được bố trí đăng đối, hài hòa, phù hợp với không gian của di tích. Không gian nên thơ của thiên nhiên cùng với sự bình dị của ngôi làng cổ càng làm tôn thêm nét tôn nghiêm của ngôi đền linh thiêng.

## **9. THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH.**

Theo tài liệu kiểm kê khoa học năm 1964 thì đền Thượng chỉ có hai tòa. Tuy nhiên, căn cứ vào lời kể của các cụ cao niên<sup>26</sup> và khảo sát thực tế của tác giả, cho biết:

Đền được xây dựng vào thời Nguyễn, gồm 5 nhà Thượng, Trung, Hạ, Tả, Hữu vu, cổng Tam quan.

Năm 1948, đền bị hư hỏng nặng, khung nhà Hạ điện được dỡ đi làm hội quán làng Văn Trai, sau được sử dụng làm trường học, làm kho hợp tác xã và bán cho người dân địa phương.

Năm 1949, các tòa còn lại của đền bị hoang phế, nhân dân đã rước đồ tế khí về đền Độc Lôi (xã Vĩnh Thành).

Năm 1954, đồ tế khí của đền lại được chuyển về đền Cả (Nhân Thành).

Năm 1979, khung nhà Thượng điện được dỡ đi sử dụng vào mục đích khác<sup>27</sup>

Những năm 80 của thế kỷ XX, khung nhà Trung điện, Tả, Hữu vu được dỡ đi làm kho hợp tác xã, sau đó bán cho người dân địa phương sử dụng.

Năm 2015, đền bắt đầu được phục dựng, các công trình lần lượt hoàn thành: Thượng, Trung, Hạ điện (2015), Hữu vu (2016), cổng Tam quan (2018)...

Sau khi các công trình chính được hoàn thiện, địa phương thực hiện công tác bài trí thờ tại di tích. Các hoạt động của đền được điều hành bởi một tổ quản lý đền, thành phần là các cụ cao niên trong làng.

Từ đó đến nay, đền trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân địa phương và vùng phụ cận.

## **10. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH.**

### **10.1. Phương án bảo vệ di tích:**

<sup>26</sup> Cụ Đặng Trọng Biên, 87 tuổi, cụ Thái Văn Tỏi, 87 tuổi, cụ Đặng Trọng Cừ, 75 tuổi, cụ Đặng Trọng Toát, 75 tuổi

<sup>27</sup> Hiện nay, tác giả chưa khảo cứu được mục đích sử dụng của Thượng điện.

- Khoanh vùng bảo vệ di tích sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phải công khai để tránh tình trạng di tích bị xâm phạm.

- Mọi hoạt động tại di tích (*Tế lễ, hội hè,...*) đều phải đặt dưới sự quản lý của nhà nước.

- Hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho di tích.

- Kiện toàn tổ quản lý dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, làm đầy đủ thủ tục bàn giao hiện vật và phân cấp trách nhiệm quản lý cụ thể cho từng thành viên, chấn chỉnh hệ thống khoá cửa.

- Trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tại di tích.

- Tăng cường công tác kiểm tra và nghiêm cấm việc tùy tiện tiếp nhận các đồ tế khí được cung tiến vào di tích. Nghiêm cấm việc tự sơn thếp lại các đồ tế khí khi chưa có sự hướng dẫn chuyên môn của ngành chủ quản.

#### **10.2. Phương hướng phát huy giá trị di tích:**

- Xây dựng bản tóm tắt nội dung giá trị, lịch sử xây dựng của di tích để du khách có thể tìm hiểu khi đến tham quan, thăm viếng.

- Xây dựng bảng nội quy tham quan di tích.

- Tiếp tục sưu tầm các tài liệu, hiện vật của đền. Từng bước không phục lại các hoạt động lễ hội diễn ra tại đền.

- Nghiêm cấm các hoạt động mang tính chất mê tín dị đoan, trục lợi diễn ra tại đền.

- Tổ quản lý trực tiếp tại di tích phải nắm được nội dung cơ bản về di tích để giới thiệu cho khách tham quan và cần phải có thái độ lịch sự, nhiệt tình để hướng dẫn du khách.

- Tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân về nội dung giá trị di tích đúng theo Luật Di sản Văn hoá (*Luật số : 28/QH 10, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009*); Nghị định số 166/2018/NĐ.CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ về việc quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 3/4/2014 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử-văn hóa và danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 2662/BVHTTDL-MTNATL của Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch về việc không sử dụng biểu tượng, sản phẩm linh vật không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

## **XI. KẾT LUẬN**

Đền Thượng là công trình văn hóa tâm linh được xây dựng từ thời Nguyễn. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, đền đã bị hoang phế. Dưới sự quan tâm của chính quyền địa phương và nhân dân, đền từng bước được phục hồi, trở thành địa điểm sinh hoạt văn hóa tâm linh không chỉ của nhân dân làng Văn Trai, xã Long Thành mà thu hút cả nhân dân vùng phụ cận, góp phần củng cố và bồi đắp thêm truyền thống tốt đẹp của vùng đất này.

Việc xếp hạng di tích là hết sức cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lâu dài, góp phần tôn vinh, tri ân những nhân vật thờ có công với quê hương, đất nước.

## **XII. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. BCH Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Yên Thành, (2010), Lịch sử đảng bộ huyện Yên Thành (1930 - 2005), NXB chính trị quốc gia.
2. Ban Quản lý Di tích Nghệ An (2012), *Lý lịch di tích đình Đông Viên*, xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn
3. Ban Quản lý Di tích Nghệ An (2017), *Lý lịch di tích đền Yên Mỹ*, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương.
4. Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Long Thành, (2013), Lịch sử xã Long Thành, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
6. Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe papin (2003), *Đồng khánh địa dư chí*, Nxb Thế giới, Hà nội.
7. Ninh Viết Giao, (2000), *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Nxb Nghệ An
8. Nguyễn Đông Chi, (1957), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Xuân Khánh, (2010), *tiểu thuyết lịch sử Hồ Quý Ly*, Nxb Phụ nữ.
10. Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh, *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Giáo dục

11. Thuận Phước, 2011, Phong tục dân gian nghi lễ thờ Mẫu, Nxb thời đại
12. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, (1999), Lịch sử các triều đại Việt Nam, Nxb Thanh niên.
13. Tài liệu kiểm kê lưu tại kho ban quản lý di tích Nghệ An các năm 1964, 1992
14. Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành (1990), Lịch sử huyện Yên Thành, NXB Nghệ Tĩnh

**XIII. XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC LẬP LÝ LỊCH DI TÍCH:**

**BAN QUẢN LÝ DI TÍCH NGHỆ AN**

*Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2019*

**TÁC GIẢ HỒ SƠ**



**Nguyễn Thị Lương - Ngô Thị Lâm**



**TRƯỞNG BAN**

**Cao Văn Xích**

